

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2010)
Ông Trịnh Thanh Bình	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2010) (miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2010)
Ông Dương Minh Đức	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2010)
Ông Phùng Tuấn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Ủy viên
Ông Lê Thuận Khương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Tuấn Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Q. C.
TY
DẦU KHÍ
TE
AM
P. H. X.

Số: 418 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) từ trang 03 đến trang 29. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

Kiểm toán.Tư vấn Thuế.Tư vấn Tài chính.Tư vấn Giải pháp.

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.604.394.847.993	2.754.894.711.572
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	533.465.818.080	431.280.211.670
1. Tiền	111		281.478.772.769	301.052.986.337
2. Các khoản tương đương tiền	112		251.987.045.311	130.227.225.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	147.247.104.156
1. Đầu tư ngắn hạn	121		750.000.000	147.247.104.156
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.229.389.045.410	1.067.870.840.610
1. Phải thu khách hàng	131		873.096.439.376	520.319.475.684
2. Trả trước cho người bán	132		240.569.847.785	448.013.358.415
3. Các khoản phải thu khác	135		140.906.660.608	114.866.806.923
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(25.183.902.359)	(15.328.800.412)
IV. Hàng tồn kho	140	6	1.598.103.305.656	1.000.688.640.979
1. Hàng tồn kho	141		1.604.510.624.284	1.005.180.066.613
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.407.318.628)	(4.491.425.634)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		242.686.678.847	107.807.914.157
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.023.249.135	633.361.307
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		233.934.344.198	83.488.315.175
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		2.054.817.693	2.047.266.114
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.674.267.821	21.638.971.561
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		776.577.743.255	338.837.624.371
I. Tài sản cố định	220		278.321.022.600	309.371.965.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	151.935.922.245	138.317.044.502
- Nguyên giá	222		283.210.560.471	256.493.282.035
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.274.638.226)	(118.176.237.533)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	118.670.826.016	102.549.625.805
- Nguyên giá	228		120.815.297.996	103.944.044.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.144.471.980)	(1.394.418.956)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	7.714.274.339	68.505.294.840
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		136.245.000.000	21.450.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	24.245.000.000	21.450.000.000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	12	112.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		362.011.720.655	8.015.659.224
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	346.016.505.457	4.613.292.068
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	12.200.968.137	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.794.247.061	3.402.367.156
IV. Lợi thế thương mại	269	15	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.380.972.591.248	3.093.732.335.943

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.262.768.407.686	2.249.776.496.469
I. Nợ ngắn hạn	310		3.211.612.677.429	2.198.614.066.082
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.824.812.041.884	1.355.862.909.670
2. Phải trả người bán	312		785.448.150.981	555.806.870.275
3. Người mua trả tiền trước	313		237.831.492.746	11.931.918.224
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	121.622.029.001	108.374.396.989
5. Phải trả người lao động	315		85.543.446.394	49.717.668.603
6. Chi phí phải trả	316		11.041.841.358	11.373.272.839
7. Phải trả nội bộ	317		-	3.819.056.664
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		115.214.482.336	89.574.266.028
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		30.099.192.729	12.153.706.790
II. Nợ dài hạn	330		51.155.730.257	51.162.430.387
1. Phải trả dài hạn khác	333		27.659.045.107	23.823.386.519
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	22.430.229.527	26.535.456.400
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.066.455.623	803.587.468
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.103.414.609.299	735.660.268.722
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.103.414.609.299	735.660.268.722
1. Vốn điều lệ	411		698.420.000.000	554.720.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.358.940.301	52.120.798.051
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		21.405.058.462	12.669.047.040
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.812.000.000)	(2.335.000.000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		33.492.226.543	(15.295.831.325)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.423.817.614	26.011.367.417
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.027.448.705	243.337.950
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		180.099.117.674	107.526.549.589
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	20	14.789.574.263	108.295.570.752
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		4.380.972.591.248	3.093.732.335.943

Phạm Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	250.559.400.260	152.952.756.367
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.111.496.955	16.249.030.251
Các khoản dự phòng	03	11.770.994.941	(11.128.937.816)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(50.695.621.145)	(29.849.661.784)
Chi phí lãi vay	06	113.473.910.586	86.826.077.666
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	348.220.181.597	215.049.264.684
(Tăng) các khoản phải thu	09	(170.497.953.634)	(584.105.662.426)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(599.330.557.671)	(365.712.319.862)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	591.485.279.427	658.687.692.661
(Tăng) chi phí trả trước	12	(476.673.857.984)	(2.106.994.991)
Tiền lãi vay đã trả	13	(109.731.669.842)	(86.826.077.666)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(76.075.703.010)	(20.659.397.755)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	22.690.122.681
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.700.616.269)	(42.426.123.066)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(498.304.897.386)	(205.409.495.739)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(50.922.185.680)	(65.918.564.547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.995.869.239	40.763.472.245
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(331.262.269.000)	(140.973.024.274)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	477.759.373.156	23.623.467.366
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.745.000.000)	(16.865.362.412)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.750.000.000	11.367.748.000
7. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	49.914.673.838	29.236.961.137
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	145.490.461.553	(118.765.302.485)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	219.938.142.250	116.146.233.331
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(477.000.000)	(2.335.000.000)
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.646.213.867.265	6.072.284.077.620
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.138.924.770.783)	(5.455.878.380.135)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(66.244.200.000)	(47.639.895.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	660.506.038.732	682.577.035.616
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	307.691.602.899	358.402.237.392
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	431.280.211.670	77.643.507.863
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(4.765.533.585)
Ảnh hưởng khác (i)		(205.505.996.489)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	533.465.818.080	431.280.211.670

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ:

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 10.826.245.164 VND (năm 2009 29.044.721.883 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

- (i) Tại ngày 28 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã đồng ý cho Tổng Công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) từ 51% xuống 25%. Ngày 28 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chấp thuận để Tổng Công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại PCB từ 25% xuống 14%. Theo đó, trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, khoản đầu tư này làm giảm dòng tiền 112.000.000.000 VND mà không ảnh hưởng đến tiền thực tế chi ra hay thu vào của hoạt động đầu tư. Tương ứng với nghiệp vụ giảm tỷ lệ góp vốn này, lợi ích của cổ đông thiểu số cũng làm giảm dòng tiền 93.505.996.489 VND mà không ảnh hưởng đến tiền thực tế chi ra hay thu vào. Tổng cộng khoản điều chỉnh giảm khác liên quan đến dòng tiền mà không ảnh hưởng đến tiền thực tế chi ra hay thu vào của hoạt động đầu tư là 205.505.996.489 VND.



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.338 (31 tháng 12 năm 2009: 2.542).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 01 năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2010 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33
Tài sản cố định khác	25 - 33

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước để thuê 4.844,36 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS10 làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng 33.492.226.543VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 4 năm 2010, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	4.477.931.680	2.161.719.736
Tiền gửi ngân hàng	277.000.841.089	234.383.207.234
Tiền đang chuyển	-	64.508.059.367
Các khoản tương đương tiền	251.987.045.311	130.227.225.333
	<u>533.465.818.080</u>	<u>431.280.211.670</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	374.136.353.539	307.118.456.903
Nguyên liệu, vật liệu	6.261.014.674	6.196.862.649
Công cụ, dụng cụ	6.427.564.094	544.574.105
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	285.902.673	6.495.784.631
Thành phẩm	82.251.857	-
Hàng hoá	1.177.303.206.658	643.084.273.305
Hàng gửi bán	40.014.330.789	41.740.115.020
Cộng	<u>1.604.510.624.284</u>	<u>1.005.180.066.613</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.407.318.628)	(4.491.425.634)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>1.598.103.305.656</u>	<u>1.000.688.640.979</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	139.333.913.041	56.752.210.930	47.662.619.767	10.475.383.287	2.269.155.010	256.493.282.035
Mua trong năm	6.604.483.080	6.172.346.460	17.234.535.098	2.679.075.047	40.909.000	32.731.348.685
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.335.228.950	5.401.072.082	2.531.647.646	611.180.447	200.081.415	13.079.210.540
Phân loại lại	(92.471.901)	445.907.684	71.904.694	(200.748.032)	(224.592.445)	-
Thanh lý	12.469.406.613	2.375.217.090	1.905.605.869	1.395.409.601	14.260.000	18.159.899.173
Giảm khác	-	6.854.255	673.331.190	217.432.201	35.763.970	933.381.616
Tại ngày 31/12/2010	137.711.746.557	66.389.465.811	64.921.770.146	11.952.048.947	2.235.529.010	283.210.560.471
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	53.871.417.615	36.851.643.935	20.961.079.759	6.406.544.865	85.551.359	118.176.237.533
Khấu hao trong năm	5.887.041.718	5.881.508.174	8.115.728.607	2.438.333.167	67.410.985	22.390.022.651
Phân loại lại	(92.471.901)	461.410.948	76.368.094	(222.904.330)	(222.402.811)	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.160.338.988	2.313.303.291	784.920.948	379.972.704	157.345.144	4.795.881.075
Thanh lý	8.694.062.332	2.109.710.139	1.885.865.545	1.244.248.125	11.091.100	13.944.977.241
Giảm khác	-	6.854.255	60.258.156	75.413.381	-	142.525.792
Tại ngày 31/12/2010	52.132.264.088	43.391.301.954	27.991.973.707	7.682.284.900	76.813.577	131.274.638.226
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	85.579.482.469	22.998.163.857	36.929.796.439	4.269.764.047	2.158.715.433	151.935.922.245
Tại ngày 31/12/2009	85.462.495.426	19.900.566.995	26.701.540.008	4.068.838.422	2.183.603.651	138.317.044.502

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 32.047.287.738 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 19.058.224.103 VND).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	102.646.941.381	1.297.103.380	103.944.044.761
Tăng trong năm	16.109.508.265	725.981.000	16.835.489.265
Tăng khác	-	35.763.970	35.763.970
Tại ngày 31/12/2010	118.756.449.646	2.058.848.350	120.815.297.996
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	818.840.791	575.578.165	1.394.418.956
Khấu hao trong năm	118.654.400	602.819.904	721.474.304
Tăng khác	-	28.578.720	28.578.720
Tại ngày 31/12/2010	937.495.191	1.206.976.789	2.144.471.980
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	117.818.954.455	851.871.561	118.670.826.016
Tại ngày 31/12/2009	101.828.100.590	721.525.215	102.549.625.805

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.714.274.339	68.505.294.840
<i>Trong đó một số công trình lớn:</i>		
Dự án nhà máy Ethanol	-	62.622.801.553
Công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	1.504.192.779	943.562.951
Dự án Khách sạn Holiday Mansion	3.673.394.059	2.909.377.000
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	1.775.291.000	1.775.291.000
Nhà hàng Trà Khúc	17.727.273	-
Công trình Cầu nước xanh	-	254.262.336
Dự án Nhà máy sản xuất Bao bì	743.669.228	-
	2010	2009
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	68.505.294.840	92.545.425.719
Tăng trong năm	30.166.951.644	91.179.309.737
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	63.850.836.208
Giảm khác	90.957.972.145	51.368.604.408
Tại ngày 31 tháng 12	7.714.274.339	68.505.294.840

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Vũng Tàu”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 03 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500835690 ngày 25 tháng 10 năm 2010. Thời điểm sáp nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Công ty Cổ phần Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PBC”) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 491032000093 ngày 28 tháng 6 năm 1994 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ngày 27 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thanh toán mua thêm 30% cổ phần của PBC tăng tỷ lệ góp vốn tại PBC từ 50% lên 80% theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 số 491021000093 ngày 14 tháng 5 năm 2010 và đổi hình thức sở hữu từ Công ty cổ phần sang Công ty TNHH. Ngày 01 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty mua lại 20% vốn góp của Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu (Tradoco) tại PBC đồng thời chuyển PBC thành Công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 491041000093 ngày 11 tháng 10 năm 2010. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập PBC vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu). Thời điểm sáp nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Phân phối”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Trading”) được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Sài Gòn”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lữ hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 05 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “PSMT”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam - Sông Trà và Chi nhánh Tổng Công ty tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là “POTS”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000765 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVA”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002191 ngày 12 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Petro Hà Nội”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000100 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng Petro Hà Nội từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó Petro Hà Nội trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Công ty Cổ phần Bao Bì Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PSP”) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty TNHH PETROSETCO SSG (sau đây gọi tắt là “PSSSG”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310511124 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký	Số tiền đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyền nắm giữ
	31/12/2010	31/12/2010		
	VND	VND	%	%
Petrosetco Trading	39.500.000.000	39.500.000.000	100	100
Petrosetco Sài Gòn	10.400.000.000	10.400.000.000	100	100
Petrosetco Vũng Tàu (i)	32.400.000.000	33.741.999.232	100	100
PSMT	66.500.000.000	66.500.000.000	100	100
Petrosetco Phân phối	92.000.000.000	92.000.000.000	100	100
POTS	30.000.000.000	31.681.662.678	100	100
PVA	50.000.000.000	56.183.637.417	100	100
Petro Hà Nội (i)	18.410.685.729	30.362.282.732	100	100
PSSSG	450.000.000.000	3.060.000.000	51	51
PSP	25.000.000.000	12.750.000.000	51	51
	814.210.685.729	376.179.582.059		

(i) Năm 2010 phát sinh lợi thế thương mại khi thực hiện hợp nhất kinh doanh Petro Hà Nội và PBC (sáp nhập vào Petrosetco Vũng Tàu trong năm 2010) với số tiền lần lượt là 11.951.597.003 VND và 1.341.999.232 VND.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (i)	-	4.950.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Giáo Dục Dầu khí Dreamhouse	245.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	7.500.000.000	-
	24.245.000.000	21.450.000.000

(i) Ngày 27 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thanh toán mua thêm 30% cổ phần của Công ty Cổ phần Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) tăng tỷ lệ góp vốn tại PBC từ 50% lên 80% theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 số 491021000093 ngày 14 tháng 5 năm 2010 và đổi hình thức sở hữu từ Công ty cổ phần sang Công ty TNHH. Ngày 01 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty mua lại 20% vốn góp của Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu (Tradoco) tại PBC đồng thời chuyển PBC thành Công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 491041000093 ngày 11 tháng 10 năm 2010. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập PBC vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng tàu (Petrosetco Vũng Tàu). Thời điểm sáp nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (PV-Building)	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty TNHH Dịch vụ Giáo Dục Dầu khí Dreamhouse	Bà Rịa-Vũng Tàu	49	49	Giáo dục mầm non
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	Quảng Ngãi	25	25	Kinh doanh nhiên liệu khí hóa lỏng

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2010
	VND
Tổng tài sản	210.730.227.616
Tổng nợ phải trả	115.354.784.290
Tài sản thuần	95.375.443.326
Phần tài sản thuần trong Công ty liên kết	27.126.601.941
	Năm 2010
	VND
Doanh thu	67.374.878.039
Lợi nhuận thuần	7.764.703.809
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	2.264.812.135

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc mà chưa hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp giá gốc không làm ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Trong năm 2010, Tổng Công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) từ 51% xuống 14%. Theo đó, trong báo cáo tài chính này, khoản đầu tư vào PCB sẽ được phân loại là đầu tư tài chính dài hạn khác. Số dư khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 112.000.000.000 VND.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	339.785.096.073	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.231.409.384	4.613.292.068
	346.016.505.457	4.613.292.068

(i) Là khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 4.844,36 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	48.803.872.542	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	-
	<u>12.200.968.137</u>	<u>-</u>

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>2010</u>
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	-
Tăng trong năm	13.293.596.235
Phân bổ trong năm	(13.293.596.235)
Số dư cuối năm	<u>-</u>
<u>Trong đó:</u>	
	<u>31/12/2010</u>
	VND
Petro Hà Nội	11.951.597.003
PBC (sáp nhập vào Petrosetco Vũng Tàu trong năm 2010)	1.341.999.232
	<u>13.293.596.235</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	477.687.320.612	197.531.929.811
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	99.447.770.276	128.699.391.583
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	33.174.390.159	180.610.474.322
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	181.716.237.850	5.310.797.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	100.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	157.898.741.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	88.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Thạnh	23.544.000.000	231.654.291.654
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	169.082.089.572	17.941.000.000
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	277.140.531.020	133.129.411.112
Ngân hàng Thương mại ChinaTrust - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	107.505.313.717
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VIB)	15.398.034.695	-
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	207.138.049.450	-
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	187.329.572.064	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	145.572.487.215	-
Vay dài hạn đến hạn trả	7.581.558.971	7.581.558.971
	<u>1.824.812.041.884</u>	<u>1.355.862.909.670</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư, không có đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất ấn định trong khoảng từ 13,5%/năm đến 18,5%/năm cho các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và từ 4,2% đến 7%/năm cho các khoản vay bằng đô la Mỹ (USD). Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 45.035.902.734 VND và 93.608.419 USD.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	51.601.892.924	34.220.382.883
Thuế xuất nhập khẩu	13.849.945.790	19.242.528.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.634.985.194	53.576.363.921
Các loại thuế khác	2.535.205.093	1.335.121.704
	<u>121.622.029.001</u>	<u>108.374.396.989</u>

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.500.000.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	18.930.229.527	26.535.456.400
	<u>22.430.229.527</u>	<u>26.535.456.400</u>

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn 58 tỷ VND với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và sẽ được hoàn trả nửa năm một lần sau thời gian ân hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư của khoản vay dài hạn và đến hạn trả là 26.511.788.499 VND (31 tháng 12 năm 2009: 34.117.015.371 VND).

Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND nhằm mục đích cải tạo, sửa chữa Khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu, lãi suất sẽ được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công Ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	7.581.558.971	7.581.558.971
Trong năm thứ hai	11.081.558.972	7.581.558.971
Từ năm thứ ba trở đi	11.348.670.555	18.953.897.429
	<u>30.011.788.498</u>	<u>34.117.015.371</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.581.558.971	7.581.558.971
Số phải trả sau 12 tháng	<u>22.430.229.527</u>	<u>26.535.456.400</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	490.640.000.000	54.564.720	6.910.633.105	(23.623.467.366)	-	13.821.266.211	-	81.747.778.710	569.550.775.380
Phát hành cổ phiếu	64.080.000.000	52.066.233.331	-	-	-	-	-	-	116.146.233.331
Tăng do mua công ty	-	-	-	-	-	699.596.606	243.337.950	-	942.934.556
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	23.623.467.366	-	-	-	-	23.623.467.366
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	115.168.278.709	115.168.278.709
Trích lập các quỹ	-	-	5.758.413.935	-	-	11.516.827.871	-	(25.337.021.316)	(8.061.779.510)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	26.323.270	26.323.270
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(47.893.851.400)	(47.893.851.400)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(2.335.000.000)	-	-	-	-	(2.335.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	(15.295.831.325)	-	-	-	(15.295.831.325)
Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008	-	-	-	-	-	-	-	(15.688.728.109)	(15.688.728.109)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(26.323.271)	-	(496.230.275)	(522.553.546)
Số dư tại ngày 31/12/2009	554.720.000.000	52.120.798.051	12.669.047.040	(2.335.000.000)	(15.295.831.325)	26.011.367.417	243.337.950	107.526.549.589	735.660.268.722
Phát hành cổ phiếu	143.700.000.000	76.238.142.250	-	-	-	-	-	-	219.938.142.250
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	186.364.746.260	186.364.746.260
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(66.244.200.000)	(66.244.200.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(477.000.000)	-	-	-	-	(477.000.000)
Tăng do hợp nhất	-	-	29.786.324	-	6.621.356.481	-	1.081.667.438	3.035.604.425	10.768.414.668
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	33.492.226.543	-	-	-	33.492.226.543
Trích lập các quỹ	-	-	8.706.225.098	-	-	17.412.450.197	144.927.398	(50.578.674.582)	(24.315.071.889)
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(177.357.057)	(744.703.576)	(922.060.633)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	15.295.831.325	-	-	-	15.295.831.325
Điều chỉnh theo thanh tra thuế PBC	-	-	-	-	-	-	-	(830.159.973)	(830.159.973)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tại PCB	-	-	-	-	-	-	-	2.034.201.870	2.034.201.870
Giảm khác	-	-	-	-	(6.621.356.481)	-	(265.127.024)	(464.246.339)	(7.350.729.844)
Số dư tại ngày 31/12/2010	698.420.000.000	128.358.940.301	21.405.058.462	(2.812.000.000)	33.492.226.543	43.423.817.614	1.027.448.705	180.099.117.674	1.103.414.609.299

Tổng Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 4 năm 2010, và hoàn thành theo Quyết định số 245/2010/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu.

Theo Nghị quyết số 10/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2009 bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Trong năm, Tổng Công ty cũng đã mua lại 47.700 cổ phần làm cổ phiếu quỹ với giá trị là 477.000.000 VND. Tổng số cổ phần làm cổ phiếu quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 281.200 cổ phần với giá trị 2.812.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 233.500 cổ phần làm cổ phiếu quỹ với giá trị là 2.335.000.000 VND).

Theo Nghị quyết số 10/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định tỷ lệ trích các quỹ năm 2010 từ lợi nhuận sau thuế của toàn Tổng Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 10%
- Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ: 5%
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 7%

Trong năm, Tổng Công ty đã trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ với tỷ lệ như trên từ lợi nhuận sau thuế với tổng giá trị là 44.993.746.419 VND. Các công ty con trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế trước khi chuyển Lợi nhuận về Công ty mẹ với số tiền là 5.584.928.163 VND.

Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã phê chuẩn việc chia cổ tức từ lợi nhuận của năm 2009 với số tiền là 66.244.200.000 VND. Trong năm 2010, số cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	44,36
Các cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	308.627.150.000	55,64
	698.420.000.000	100	554.720.000.000	100

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguồn vốn kinh doanh	15.190.000.000	110.250.000.000
(Lỗ) lũy kế	(400.425.737)	(1.954.429.248)
	14.789.574.263	108.295.570.752

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 5 bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh hàng điện tử, bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí, bộ phận kinh doanh hạt nhựa, bộ phận phân phối gas và bộ phận khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo năm bộ phận kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Hoạt động chủ yếu của năm bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng điện tử: phân phối hàng điện tử (chủ yếu là điện thoại di động, máy tính xách tay);

Bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí: cung cấp thiết bị, vật tư cho ngành dầu khí;

Bộ phận kinh doanh hạt nhựa: hoạt động thương mại liên quan đến hạt nhựa PP;

Bộ phận phân phối gas: phân phối, sang chiết gas, nhiên liệu hóa lỏng;

Bộ phận khác: các bộ phận kinh doanh khác tại Tổng Công ty.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

	Hàng điện tử	Vật tư thiết bị ngành dầu khí	Hạt nhựa	Phân phối gas	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản							
Tài sản bộ phận	2.138.424.125.454	572.259.878.266	231.725.251.851	123.972.817.586	468.115.579.414	(1.169.177.349.665)	2.365.320.302.906
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.015.652.288.342
Tổng tài sản hợp nhất							4.380.972.591.248
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	1.999.428.533.127	548.810.187.762	231.725.251.851	122.355.979.145	251.146.140.695	(828.882.306.380)	2.324.583.786.200
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	938.184.621.486
Tổng nợ phải trả hợp nhất							3.262.768.407.686

24

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010:

	Hàng điện tử	Vật tư thiết bị	Hạt nhựa	Phân phối gas	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.016.835.978.520	1.026.367.027.280	766.960.978.079	672.932.912.105	1.415.542.036.968	(44.660.828.922)	9.853.978.104.030
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	6.016.835.978.520	1.026.367.027.280	766.960.978.079	672.932.912.105	1.415.542.036.968	(44.660.828.922)	9.853.978.104.030
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.588.390.286.952	949.443.893.088	709.752.209.089	659.440.042.547	1.140.838.284.017	(8.648.944.046)	9.039.215.771.647
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	428.445.691.568	76.923.134.192	57.208.768.990	13.492.869.558	274.703.752.951	(36.011.884.876)	814.762.332.383
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	471.754.962.147
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							343.007.370.236
Doanh thu từ các khoản đầu tư							70.221.779.227
Lợi nhuận khác							18.912.042.845
Chi phí tài chính							181.581.792.048
Lợi nhuận trước thuế							250.559.400.260
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							76.134.324.283
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(12.200.968.137)
Lợi nhuận trong năm							186.626.044.114

25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.914.673.838	29.236.961.137
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.309.248.458	21.930.517.241
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	486.565.121
Lãi bán ngoại tệ	1.147.232.759	1.253.753.962
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.850.624.172	17.470.337.043
	70.221.779.227	70.378.134.504

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	113.473.910.586	86.826.077.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.749.845.714	21.458.732.511
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	427.379.297
Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn	-	(12.453.971.368)
Phí cam kết thực hiện hợp đồng vay	-	9.547.122.603
Lỗ bán chứng khoán	-	6.274.079.882
Chi phí tài chính khác	13.358.035.748	119.795.825
	181.581.792.048	112.199.216.416

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	250.559.400.260	152.952.756.367
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	89.277.409.587	137.607.292.910
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	24.575.187.392	137.607.292.910
- Lỗ không tính thuế	15.898.349.653	-
- Thu nhập do đánh giá chênh lệch tỷ giá vay ngắn hạn	48.803.872.542	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	20.507.276.123	87.242.320.000
- Chuyển lỗ năm 2009 của Công ty mẹ	5.781.633.681	-
- Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	14.725.642.442	87.242.320.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	319.329.533.724	203.317.729.277
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	-	<i>(27.666.376.594)</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% x 50%</i>	32.141.410.024	16.112.833.654
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	287.188.123.700	214.871.272.217
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	319.617.105	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	76.134.324.283	55.731.922.261
Thuế phải trả được miễn giảm 30%	-	(16.469.785.619)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành phải nộp trong năm	76.134.324.283	39.262.136.642

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Văn phòng Tổng Công ty và Petrosetco Vũng Tàu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được miễn 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Năm 2010 là năm thứ 2 Tổng Công ty áp dụng miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	186.626.044.114	113.690.619.725
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	186.364.746.260	115.168.278.709
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	58.548.852	49.927.373
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.183	2.306

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 04 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 4.844,36 m² của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty còn phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 308.071.808.984 VND.

Theo Nghị quyết số 02/NQ-DVTHDK ngày 17 tháng 02 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua phương án vay vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) với số tiền 700 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2011.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Bán hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	87.623.680.594	-
Các đơn vị thành viên PetroVietnam	359.865.423.074	300.422.829.861
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - nhận nợ vay	3.500.000.000	632.374.116.662
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - hoàn trả nợ vay	7.605.226.873	690.221.896.148
Các nghiệp vụ khác		
Phí thương hiệu, phí quản lý phát sinh với Petro Việt Nam	7.574.087.656	-
Chi trả cổ tức cho Petro Việt Nam	29.622.416.400	24.609.285.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Sổ dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.911.486.166	-
Phải thu từ các đơn vị thành viên PetroVietnam	37.766.492.333	37.433.687.691
Trả trước cho người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	20.918.202.888	-
Các khoản phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	25.519.580.372	-
Phải thu từ các đơn vị thành viên PetroVietnam	13.300.978.950	46.148.667.253
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	309.094.998.847	-
Phải trả các đơn vị thành viên PetroVietnam	218.715.762.242	167.664.766.371
Các khoản phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	30.598.994.475	-
Người mua trả tiền trước		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.597.850.659	-
Phải trả các đơn vị thành viên PetroVietnam	165.873.802.468	-
Tiền gửi		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	20.000.000.000	-
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Vay dài hạn	26.511.788.498	192.015.756.371

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lương	2.185.141.091	2.338.997.353
Tiền thưởng	973.265.170	1.711.000.000
Các khoản phúc lợi khác	132.424.690	118.000.000

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 37/NQ- DVTHDK ngày 29 tháng 10 năm 2010, Đại hội đã thông qua phương án tái cấu trúc các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty, theo đó thực hiện chuyển các đơn vị TNHH MTV của Tổng Công ty thành công ty cổ phần, bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco Phân phối)
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) (i)
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT)
- Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PVA)
- Sáp nhập Công ty TNHH MTV Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu) và chuyển thành công ty cổ phần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

(i) Theo Nghị Quyết số 03/NQ-DVTH DK ngày 19 tháng 02 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển được chuyển thành Chi nhánh Tổng Công ty. Ngày 07 tháng 3 năm 2011, Hội đồng Quản trị đã có quyết định chính thức về việc thành lập chi nhánh này.

Ngày 01 tháng 01 năm 2011, PSMT chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300368426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số vốn điều lệ là 107 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 66% vốn điều lệ tương ứng với 66,34 tỷ VND.

Ngày 01 tháng 01 năm 2011, Petrosetco Vũng Tàu chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3500835690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ là 60 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 48 tỷ VND.

Ngày 18 tháng 01 năm 2011, PVA chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102471424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 68 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 54,4 tỷ VND.

Năm 2011, Tổng Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (Petro Hà Nội) theo Nghị quyết số 41/NQ- DVTHDK ngày 30 tháng 11 năm 2010 Hội đồng Quản trị.

Ngày 16 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty đã hoàn thành việc tiếp nhận bộ phận dịch vụ đời sống thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Cung ứng Dịch vụ Hàng hải Vinashin, việc tiếp nhận được thực hiện theo nguyên tắc tiếp nhận nguyên trạng. Đến thời điểm hiện tại, các số liệu liên quan đến việc tiếp nhận chưa được ghi nhận trên sổ kế toán của Tổng Công ty.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

Khoản mục	Số trước phân loại lại 31/12/2009	Số sau phân loại lại 31/12/2009	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi- mã số 431	12.153.706.790	-	12.153.706.790
Quỹ khen thưởng phúc lợi- mã số 323	-	12.153.706.790	(12.153.706.790)

Theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”: Tài khoản 431 - “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” được đổi thành Tài khoản 353 - “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”. Đồng thời, “Quỹ khen thưởng phúc lợi” sẽ trình bày trên bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Nợ phải trả” với mã số 323 thay vì trình bày tại khoản mục Nguồn vốn với mã số 431.



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng